

TRƯỜNG THPT ÂU CƠ

PHÂN CÔNG KIỂM NGHIỆM VÀ GIẢNG DẠY-ÁP DỤNG TỪ TUẦN 5-NH 2022-2023

TT	Họ và tên GV	Chuyên môn	Chủ nhiệm	Số tiết	Chức danh kiểm nhiệm	Số tiết	Môn được phân dạy (Khối sáng-Lớp 11+12)	Số tiết	Môn được phân dạy (Khối chiều-Lớp 10)	Số tiết	Số tiết dạy	TC số tiết	Thừa Thiếu	Số tiết chuẩn
01	Trần Quốc Tuấn	Toán	/	0	/	0	/	0	Toán 10/1(4),10/3(3)	7	7	7	3	4
02	Alăng Hậu	Toán	/	0	TTCM(3)+UVCD(1)	4	Toán 11/4(5),12/1,2(10)	15	Toán 10/4(3)	3	18	22	5	17
03	Nguyễn Hữu Nhân	Toán	12/5	4	/	0	Toán 12/3,4,5(15)	15	Toán 10/5(3)	3	18	22	5	17
04	Trần Thị Lành	Toán	10/2	4	/	0	Toán 11/1,2,3(15)	15	Toán 10/2(3)	3	18	22	8	14
05	Lê Văn Minh	Lý	/	0	CTCD(3)	3	Lý 12/2(2)	2	Lý 10/4(2)	2	4	7	3	4
06	Bùi Thị Mai	Lý	11/1	4	/	0	Lý 11/1,2(4),12/1,3,4(6)	10	Lý 10/1(3)	3	13	17	0	17
07	Nguyễn Thị Hoài Thương	Lý	/	0	/	0	Lý 11/3,4(4),12/5(2);CN K11(4),K12(5)	15	/	0	15	15	15	0
08	Huỳnh Viết Thương	Tin	11/4	4	PCTCD(3)	3	Tin 11/3,4(2),12/1,2(4)	6	Tin 10/1,3(4)	4	10	17	0	17
09	Võ Thị Kim Xuyên	Tin	11/2	4	TTCĐ(1)	1	Tin 11/1,2(2),12/3,4,5(6)	8	Tin 10/4,5(4)	4	12	17	0	17
10	Phạm Thị Thảo Nguyên	Hóa	11/3	4	/	0	Hoá 11/3,4(4),12/3,4,5(6)	10	Hoá 10/5(2)	2	12	16	-1	17
11	Trần Thị Như Quỳnh	Hóa	10/1	4	TTCĐ(1)	1	Hoá 11/1,2(4),12/1,2(4)	8	Hoá 10/1(3)	3	11	16	-1	17
12	Bnướcch Khôn	Sinh	/	0	BT Đoàn (12)	12	Sinh 12/4,5(2)	2	Sinh 10/1,2(4)	4	6	18	1	17
13	Alăng Thị Bồng	Sinh	/	0	TTCM(3)	3	Sinh K11(8),12/1,2,3(3)	11	Sinh 10/3(2),CN 10/2(2)	4	15	18	1	17
14	Nguyễn Phương Thảo	Văn	12/2	4	TPCM(1)	1	Văn 12/1,2,3(12)	12	Văn 10/1(3)	3	15	20	3	17
15	ARát Thị Sanh	Văn	/	0	PBT Đoàn(6)	6	Văn 11/1(5),12/4,5(8)	13	/	0	13	19	2	17
16	Tôn Thị Không	Văn	10/5	4	/	0	Văn 11/4 (5)	5	Văn 10/3,4,5 (12)	12	17	21	4	17
17	Huỳnh Thị Hương Nhân	Văn	/	0	/	0	Văn 11/2,3(10)	10	Văn 10/2(4)	4	14	14	0	14
18	Nguyễn Thị Kan	Anh	/	0	TTCM+UVCD(1)	4	Anh 11/3,4(8),12/4,5 (8)	16	/	0	16	20	3	17
19	Nguyễn Thị Kim Chi	Anh	10/3	4	TTCĐ(1)	1	Anh 11/1,2(8)	8	Anh 10/3,4,5(9)	9	17	22	5	17
20	Trần Mỹ Tiên Tâm	Anh	12/1	4	/	0	Anh 12/1,2,3(12)	12	Anh 10/1,2(6)	6	18	22	5	17
21	Trần Văn Nghĩa	Sử	/	0	/	0	Sử 12/4,5(4)	4	/	0	4	4	2	2
22	Bnướcch Nhứt	Sử	10/4	4	/	0	Sử K11(4),12/1,2,3(6)	10	Sử 10/1,2,3(3), 10/4,5(4)	7	17	21	4	17
23	Nguyễn Minh Sơn	Địa	/	0	TTCM(3)	3	Địa K11(4);K12(5)	9	Địa 10/2,3,4,5(12)	12	21	24	7	17
24	Alăng Thị An	Địa	/	0	TK(2)+UVCD(1)	3	Nghỉ thai sản từ 1/10/2022	0	/	0	0	3	-14	17
25	Nguyễn Thị Hăm	GDCD	12/4	4	/	0	GDCD K11(4),12/4,5(2)	6	GDKTPL 10/2(3),10/4(2);GDDP 10/1,2(2)	7	13	17	0	17
26	Bnướcch Grông	GDCD	12/3	4	TTra(2)+TTCĐ(1)	3	GDCD 12/1,2,3(3)	3	GDKTPL 10/3(3),10/5(2);GDDP 10/3,4,5(3)	8	11	18	1	17
27	Nguyễn Quốc Tuấn	TDQP	/	0	TPCM(1)	1	QPK11(4),TD12/1(2)	6	TD K10(10)	10	16	17	0	17
28	Alăng Khinh	TD	/	0	/	0	TD 12/2,3,4,5(8)	8	/	0	8	8	8	0
29	Đinh Quang Linh	GDQP	/	0	/	0	TD K11(8),QP K12(5)	13	QP K10(5)	5	18	18	1	17
Tổng cộng :		14 lớp	56			49		252		125	377	482	70	412

Đông Giang, ngày 30 tháng 9 năm 2022

Nơi nhận: HT



HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Nghĩa